

# **CÔNG CHỨNG ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM - KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN**

■ TS. CCV. HOÀNG VĂN HỮU\* & ThS. NGUYỄN DUY THÁI\*\*

## **1. Khái quát về công chứng điện tử trên thế giới**

### **1.1. Công chứng điện tử tại một số quốc gia**

Công chứng điện tử đã được thực hiện tại nhiều quốc gia trên thế giới bởi nhiều ưu điểm mà công chứng điện tử mang lại, cụ thể:

Tại Trung Quốc, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng đã bắt đầu từ năm 2000 với nhiều phần mềm phục vụ công chứng khác nhau, do các tổ chức hành nghề công chứng tự xây dựng. Sau đó, Hội Công chứng viên Trung Quốc đã hợp nhất vào trong một hệ thống quản lý chung. Tính đến cuối tháng 8 năm 2018, đã có 2.961 tổ chức hành nghề công chứng và 13.385 công chứng viên sử dụng hệ thống này<sup>1</sup>. Việc xây dựng và sử dụng phần mềm công chứng đã hỗ trợ nhiều mặt cho hoạt

động công chứng như: Chuẩn hóa các dịch vụ công chứng, cải thiện khả năng cung ứng dịch vụ, tập hợp dữ liệu thực hiện công chứng, nộp hồ sơ qua mạng (người yêu cầu công chứng chỉ đến tổ chức hành nghề công chứng 01 lần), chia sẻ thông tin về giao dịch công chứng giữa các công chứng viên để giảm việc xác minh, quản lý hành nghề công chứng, chia sẻ với công chứng viên các thông tin có liên quan khác như di chúc, sở hữu trí tuệ... Trung Quốc sẽ khai thác và thực hiện dịch vụ công chứng trực tuyến, các hệ thống công chứng từ xa, lưu giữ chứng cứ điện tử trực tuyến trong thời gian tới, cùng với đó là nghiên cứu và xây dựng quy định về công chứng phù hợp với các quy định về giao dịch trực tuyến<sup>2</sup>.

Tại Nhật Bản công chứng trực tuyến được áp dụng từ năm 2000

đối với các tài liệu cá nhân, đến năm 2002, phạm vi công chứng điện tử được mở rộng đối với việc công chứng điều lệ của công ty. Tuy nhiên, pháp luật vẫn quy định người yêu cầu công chứng (hoặc đại diện) phải trực tiếp gặp công chứng viên. Hiện nay, Hiệp hội Công chứng quốc gia Nhật Bản có kế hoạch triển khai công chứng điện tử qua các phương tiện điện tử (điện thoại thông minh, hội nghị trực tuyến...) nhằm đáp ứng yêu cầu “chứng nhận trước mặt công chứng viên” trong môi trường số<sup>3</sup>.

Tại Hàn Quốc, hệ thống công chứng điện tử được áp dụng từ năm 2010, cho phép xác nhận người dùng (công chứng viên) thông qua máy tính hoặc điện thoại thông minh. Hệ thống này hữu ích khi người yêu cầu công chứng sinh sống ở nơi không có công chứng viên hoặc ở ngoài Hàn Quốc và giúp giảm bớt chi phí. Tuy nhiên, trước đây, do Hàn Quốc không có quy định cho phép nhận yêu cầu công chứng thông qua hình ảnh, nên ngay cả khi sử

dụng hệ thống công chứng điện tử, người yêu cầu công chứng vẫn phải đến tổ chức hành nghề công chứng ít nhất 01 lần để gặp trực tiếp công chứng viên. Từ ngày 20/6/2018, luật pháp Hàn Quốc mới cho phép người yêu cầu công chứng gặp công chứng viên thông qua hội nghị trực tuyến (video-conference) và nhận văn bản công chứng trực tuyến, thay vì phải trực tiếp đến tổ chức hành nghề công chứng. Tuy nhiên, không phải tất cả công chứng viên đang hành nghề đều có thể thực hiện quy trình này, mà chỉ có một số công chứng viên được cấp phép mới được thực hiện, nên Bộ Tư pháp Hàn Quốc phải giải quyết một số vấn đề về kỹ thuật để có thể kiểm tra và xác nhận người dùng (công chứng viên) và phải có sự phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ (cơ quan cấp thẻ hành nghề công chứng)<sup>4</sup>.

Tại Cộng hòa Pháp, công chứng điện tử bắt đầu triển khai từ năm 2008. Để thực hiện công chứng điện tử, Pháp đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định có liên

quan, trong đó có Bộ luật Dân sự và ban hành quy định về chữ ký điện tử, công chứng điện tử. Văn bản công chứng điện tử có giá trị như văn bản công chứng giấy. Toàn bộ các văn bản công chứng điện tử đều được lưu trữ tại Trung tâm MICEN đặt dưới sự giám sát của Hội đồng Công chứng tối cao Pháp. Công chứng điện tử tại Pháp được đánh giá là một sự chuyển biến lớn về phương pháp và môi trường thực hiện công chứng, giúp việc công chứng nhanh, hiệu quả hơn, văn bản công chứng lưu trữ lâu dài hơn.

Qua một số mô hình công chứng điện tử tại một số quốc gia trên thế giới, có thể thấy, cách tiếp cận công chứng điện tử ở các quốc gia có sự khác nhau. Có nước sử dụng công cụ điện tử cho toàn bộ quy trình công chứng, từ khâu tiếp nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ đến việc công chứng viên chứng nhận văn bản công chứng thông qua chữ ký số/chữ ký điện tử và đóng dấu số; có những nước chỉ sử dụng trong một công đoạn của quy trình công

chứng. Mặc dù cách tiếp cận công chứng điện tử ở các quốc gia có sự khác nhau, nhưng xu thế chung là dần dần các bước của quy trình công chứng sẽ được thực hiện trực tuyến thông qua công cụ điện tử.

### ***1.2. Công chứng điện tử tại Việt Nam hiện nay***

Ở Việt Nam, khái niệm “công chứng điện tử” là còn khá mới, vì Luật Công chứng năm 2014 chưa quy định về vấn đề này. Tại Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) kèm theo Tờ trình (tóm tắt) dự án Luật Công chứng (sửa đổi) số 77/TTr-CP của Chính phủ ngày 01/3/2024, trong mục 3 có 04 điều (từ Điều 60 đến Điều 63) quy định về công chứng điện tử. Trong đó, định nghĩa “công chứng điện tử là việc công chứng được thực hiện bằng phương tiện điện tử để tạo lập văn bản công chứng điện tử”<sup>5</sup>. Đồng thời, quy định các nguyên tắc phải tuân thủ khi tiến hành công chứng điện tử; các điều kiện cung cấp dịch vụ công chứng điện tử; văn bản công chứng điện tử; quy trình, thủ tục công chứng điện tử. Dự thảo Luật Công chứng

(sửa đổi) cũng quy định về khái niệm, thời điểm có hiệu lực, giá trị của văn bản công chứng điện tử, việc chuyển đổi hình thức giữa văn bản công chứng điện tử và văn bản công chứng giấy; quy định hai quy trình, gồm công chứng điện tử trực tiếp và công chứng điện tử trực tuyến.

Trong quá trình góp ý xây dựng Luật Công chứng (sửa đổi), Hiệp hội Công chứng viên Việt Nam đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo quốc tế về công chứng điện tử để tham khảo kinh nghiệm, lấy ý kiến các chuyên gia về công chứng từ Cộng hòa Liên bang Đức<sup>6</sup>, Cộng hòa Pháp<sup>7</sup>, Cộng hòa Uzbekistan<sup>8</sup>... Các chuyên gia cho thấy rằng, không có sự phân biệt về cách hiểu hiện nay giữa “công chứng điện tử” và “công chứng số”. Khi gõ từ khóa tìm kiếm “Digital Notarization” hay “Digital Notary” trên công cụ tìm kiếm Google Search, kết quả trả về đều là “E-Notarization” hoặc “E-Notary”. Công chứng điện tử là việc công chứng viên sử dụng chữ ký số để công chứng tài liệu

điện tử.

Trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Việt Nam đang trải qua quá trình chuyển đổi với sự bùng nổ của công nghệ số và các ứng dụng thông minh. Một trong những ưu điểm lớn nhất khi công chứng điện tử được phổ biến là sự tiện lợi. Thay vì phải mất thời gian và công sức để đến các tổ chức hành nghề công chứng truyền thống, người yêu cầu công chứng có thể thực hiện quy trình công chứng từ xa thông qua các nền tảng trực tuyến, tiết kiệm được thời gian và chi phí di chuyển. Công chứng điện tử cũng góp phần tăng cường tính minh bạch và bảo mật trong các giao dịch pháp lý. Công nghệ số cho phép việc ghi lại mọi hoạt động và tạo ra các dấu vết số không thể sửa đổi, từ đó, tăng cường tính minh bạch và giảm thiểu nguy cơ của việc giả mạo hoặc thay đổi tài liệu.

Không chỉ có lợi cho cá nhân và doanh nghiệp, công chứng điện tử còn mang lại lợi ích to lớn cho hệ thống pháp lý của đất

nước. Việc chuyển đổi từ công chứng truyền thống sang công chứng điện tử giúp tối ưu hóa quy trình, giảm bớt thủ tục phức tạp và tăng cường khả năng tiếp cận công lý cho mọi người. Tuy nhiên, việc phát triển công chứng điện tử ở Việt Nam hiện nay còn nhiều vướng mắc, chủ yếu do khung pháp lý về công chứng điện tử mới được đề cập đến trong Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi).

## **2. Một số điểm khác nhau giữa công chứng điện tử và công chứng truyền thống**

**Thứ nhất**, về dữ liệu đầu vào: Đối với công chứng truyền thống, hồ sơ công chứng phải được thể hiện dưới dạng giấy, có chữ ký tay và con dấu của tổ chức hành nghề công chứng. Tuy nhiên, đối với công chứng điện tử, nguồn dữ liệu đầu vào đã được thay đổi thành “dữ liệu điện tử hay tài liệu điện tử” và công chứng viên sử dụng “khóa số thực” (hay chữ ký điện tử) để công chứng “dữ liệu điện tử hay tài liệu điện tử” đó thay thế cho chữ ký tay và không cần đóng dấu vẫn bảo đảm

an toàn mà giá trị pháp lý vẫn tương đương như văn bản giấy. Có thể thấy rõ ưu thế của hoạt động công chứng điện tử trong trường hợp này, đó là sự tiện lợi, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí cho các bên.

**Thứ hai**, về nguồn lực vật chất và thủ tục dịch vụ: Đối với công chứng truyền thống, cần nhiều nguồn lực vật chất như giấy tờ, con dấu, không gian lưu trữ tài liệu, cũng như tốn nhiều thời gian của công chứng viên dành cho người yêu cầu công chứng. Bên cạnh đó, còn có những rủi ro như tài liệu giấy được lưu trữ có thể bị mất mát hoặc hư hỏng, bị mờ thông tin theo thời gian... Ngược lại, công chứng điện tử giúp tiết kiệm tối đa nguồn lực vật chất, do tối thiểu các loại giấy tờ và quy trình “không con dấu”, giúp tinh giản thủ tục, rút ngắn thời gian cho các bên, đẩy nhanh quá trình thực hiện giao dịch do những thông tin về hồ sơ công chứng hoàn toàn có thể được tìm kiếm, truy xuất và chia sẻ một cách thuận tiện trên các phương

tiện điện tử, trên cơ sở dữ liệu công chứng. Mặt khác, phương thức thanh toán cũng có thể được thay đổi sang hình thức chuyển khoản hoặc thanh toán qua ví điện tử, giúp cho việc giao dịch được nhanh chóng, an toàn và minh bạch hơn, với sự giám sát từ bên thứ ba là các ngân hàng, tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, yêu cầu đặt ra là phải có sự đồng bộ chặt chẽ từ cơ sở vật chất đến yếu tố con người mới có thể vận hành công chứng điện tử vào đời sống một cách dễ dàng.

**Thứ ba,** về hiệu quả phòng ngừa tranh chấp xảy ra giữa các bên trong giao dịch: Trên thực tế, các giao dịch có giá trị lớn thường liên quan tới nhiều thủ tục phức tạp, đặc biệt, rất dễ xảy ra tình trạng lừa đảo, giả mạo giữa các bên, nên việc tranh chấp diễn ra khá thường xuyên, trong khi không phải chủ thể nào cũng đủ hiểu biết để kiểm tra và kiểm soát được các vấn đề pháp lý phát sinh trong giao dịch. Lúc này, công chứng viên đóng vai trò như bên thứ ba đáng tin cậy, giúp

kiểm soát để cảnh báo, ngăn chặn những rủi ro pháp lý không đáng có cho các bên, tránh phát sinh tranh chấp về sau.

So với công chứng truyền thống, công chứng điện tử có những điểm nổi trội hơn và đạt được hiệu quả nhất định trong việc phòng ngừa tranh chấp giữa các bên trong giao dịch. Điều đó có thể được lý giải bởi công chứng điện tử được thực hiện qua đường truyền internet, các bên sẽ tiết kiệm được thời gian, công sức, chi phí di chuyển, công chứng viên có thể dành nhiều thời gian hơn để giải thích và tư vấn kịp thời những vấn đề quan trọng cho người yêu cầu công chứng ngay từ khi soạn thảo hợp đồng. Mặt khác, thông qua việc xây dựng các hệ thống tra cứu thông tin công chứng qua nền tảng kỹ thuật số với công nghệ mã hóa hiện đại, công chứng viên có thể dễ dàng xác thực chữ ký điện tử và người ký chữ ký điện tử xem có đúng các bên trong giao dịch hay không, khi xác minh đầy đủ các yếu tố, sẽ dùng chữ ký số của

mình xác thực lần nữa, tăng thêm tính chắc chắn, hợp pháp cho giao dịch, giúp ngăn chặn các tranh chấp phát sinh ngay từ đầu.

### **3. Sự cần thiết của công chứng điện tử trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và thách thức đối với Việt Nam**

#### ***3.1. Sự cần thiết của công chứng điện tử***

*Thứ nhất*, việc phát triển công chứng điện tử phù hợp chủ trương của Đảng và Nhà nước. Công chứng điện tử thúc đẩy sự chuyển đổi số, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực kinh tế và xã hội. Điều này phản ánh chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc đẩy mạnh cách mạng công nghiệp và phát triển kinh tế số.

*Thứ hai*, việc phát triển công chứng điện tử để đáp ứng sự thay đổi theo nền công chứng tiên tiến trên thế giới. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và kinh tế số, đã thúc đẩy sự thay đổi và cải tiến đáng kể trong nhiều lĩnh vực của đời sống, trong đó có cả

lĩnh vực công chứng. Từ nhiều năm nay, công chứng điện tử đã dần trở thành xu thế chung trong hoạt động công chứng trên thế giới. Có thể thấy, dù cách tiếp cận khác nhau, song công chứng điện tử là “đích đến” của nhiều quốc gia và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó, nhất là khi Chính phủ đã định hướng xây dựng Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số. Tỷ lệ dân số sử dụng internet tương đối cao, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng ở các địa phương ngày một cải thiện và cơ sở dữ liệu dân cư đang được hoàn thiện là những điều kiện thuận lợi. Mặt khác, nhu cầu công chứng điện tử là có thật, nhất là với người yêu cầu công chứng ở nước ngoài, thường xuyên di chuyển hoặc muốn giảm thời gian, chi phí và công sức đi lại... Công chứng điện tử cũng là công cụ hữu hiệu, giúp cơ quan nhà nước và tổ chức công chứng quản lý hoạt động công chứng tốt hơn, hiệu quả hơn thông qua việc kiểm tra, kiểm soát các bước

công chứng trong phần mềm.

*Thứ ba*, việc phát triển công chứng điện tử phù hợp thực tiễn phát triển công nghệ số ở Việt Nam hiện nay. Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, với việc tăng cường hạ tầng kỹ thuật số và thúc đẩy các dịch vụ trực tuyến. Cung cấp cơ sở hạ tầng cho việc phát triển các dịch vụ công nghệ số và thúc đẩy sự chuyển đổi số trong các quy trình pháp lý và giao dịch, công chứng điện tử là một phần quan trọng của quá trình này.

Việc Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) bổ sung các quy định về công chứng điện tử là cần thiết, nhằm xây dựng hành lang pháp lý cho việc thực hiện và công nhận công chứng điện tử. Tuy nhiên, các nội dung mới dừng ở việc chỉnh lý và quy định một số quy định “cốt lõi” nhất và giao Chính phủ quy định chi tiết về các vấn đề liên quan, như lộ trình thực hiện, cơ sở dữ liệu về công chứng, yếu tố kỹ thuật, công nghệ thông tin...

### ***3.2. Thách thức đối với Việt Nam khi thực hiện công chứng điện tử***

Luật Công chứng năm 2014 quy định việc xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đây là cơ sở quan trọng cho việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động công chứng vẫn được thực hiện theo cách truyền thống, chưa có giai đoạn nào của quy trình công chứng được chính thức thực hiện trực tuyến; công chứng viên cũng không sử dụng chữ ký điện tử, con dấu điện tử. Việc sử dụng phần mềm, nhập thông tin trong các phần mềm được xem như một quy trình phụ, mang tính chất hỗ trợ cho hoạt động công chứng truyền thống, như tra cứu, chia sẻ thông tin, lưu trữ dữ liệu, soạn thảo văn bản và thống kê số liệu... là ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động công chứng mà chưa phải là công chứng điện tử. Nghiên cứu cho thấy, vẫn tồn tại những trở ngại nhất định đối với



việc phát triển công chứng điện tử ở Việt Nam hiện nay. Cụ thể:

*Thứ nhất*, chưa có khung pháp lý hoàn chỉnh, đồng bộ cho việc thực hiện và công nhận công chứng điện tử: Cho đến nay, pháp luật về công chứng của Việt Nam chưa quy định về công chứng điện tử hay công nhận giá trị của văn bản công chứng điện tử. Cụ thể, khoản 1 Điều 2 Luật Công chứng năm 2014 định nghĩa: “Công chứng là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch), tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi là bản dịch) mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng”. Hoặc khoản 1 Điều 5 Luật Công chứng năm 2014 quy định hiệu lực của văn bản công chứng được

tính “kể từ ngày được công chứng viên ký và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng”, vậy, trong trường hợp văn bản công chứng được công chứng viên ký và đóng dấu dưới dạng điện tử thì có hiệu lực hay không. Thực tế, Luật Công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đề cập đến việc ký tên hoặc đóng dấu bằng chữ ký điện tử và con dấu điện tử, có nghĩa là pháp luật về công chứng chưa thừa nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử trong văn bản công chứng. Mặt khác, những quy định trong Luật Công chứng năm 2014 liên quan đến hồ sơ yêu cầu công chứng hoặc trình tự, thủ tục công chứng... đều cho thấy, công chứng tại Việt Nam là công chứng văn bản giấy, cần phải chữ ký tay và con dấu trên giấy mà chưa phải là công chứng trên văn bản điện tử bằng công cụ điện tử.

*Thứ hai*, cơ sở dữ liệu công chứng thiếu tính đồng bộ, thống nhất và chưa thực sự phục vụ cho thực hiện công chứng điện tử: Điều 62 Luật Công chứng năm

2014 quy định về cơ sở dữ liệu công chứng, gồm “các thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản và các thông tin về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng”. Quy định trên hàm chứa nội dung điều chỉnh đối với “dữ liệu” (thông tin) nhiều hơn là quy trình.

Luật Công chứng năm 2014 giao việc xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Điều đó dẫn đến một vài bất cập, như: (i) Cơ sở dữ liệu công chứng giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không xây dựng theo chuẩn mẫu nhất định, bị giới hạn trong phạm vi hành chính ở địa phương, thay vì tạo thành mạng lưới dữ liệu công chứng trong cả nước; (ii) Nhiều địa phương chưa thật sự quản lý được cơ sở dữ liệu công chứng, còn gặp khó khăn trong việc xử lý, lưu trữ thông tin hoặc sự cố kỹ thuật, do phụ thuộc quá nhiều vào đơn vị cung cấp dịch vụ cơ sở dữ liệu; (iii) Cơ sở

dữ liệu công chứng của các tỉnh khó liên thông, kết nối với nhau và khó kết nối với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, như cơ sở dữ liệu dân cư, cơ sở dữ liệu về đăng ký giao dịch bảo đảm... Sự phân tán, tách biệt đó dẫn đến kéo dài thời gian công chứng, gia tăng chi phí của người dân. Việc đấu nối dữ liệu tại các cơ sở dữ liệu khác nhau là điều cần thiết và hợp lý hiện nay.

Mặt khác, khi xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng tại địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cũng tập trung nhiều hơn vào việc tạo lập cơ chế lưu trữ và chia sẻ dữ liệu, ít quan tâm đến việc xây dựng quy trình điện tử thay thế cho quy trình công chứng truyền thống (một phần do pháp luật công chứng không quy định về công chứng điện tử). Định hướng này làm cho các phần mềm dùng trong hoạt động công chứng chủ yếu vận hành mang tính chất hỗ trợ cho hoạt động công chứng truyền thống.

*Thứ ba*, công chứng viên và

người yêu cầu công chứng đôi khi còn “e ngại” khi thực hiện công chứng điện tử, đặc biệt là các tỉnh vùng sâu, vùng xa: Để thực hiện công chứng điện tử, độ phủ sóng của internet là điều kiện tiên quyết. Tuy nhiên, việc triển khai công chứng điện tử sẽ gặp khó khăn ở các khu vực không phải là đô thị, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa còn đang thiếu hạ tầng, phương tiện và kỹ năng sử dụng internet.

Thực hiện công chứng điện tử không chỉ thay đổi về quy định của pháp luật có liên quan và quy trình công chứng, mà người thực hiện công chứng là các công chứng viên và người yêu cầu công chứng cũng phải có những thay đổi lớn về cách tiếp cận, kỹ năng thực hiện công chứng, cũng như tiếp nhận sản phẩm đầu ra của hoạt động công chứng. Công chứng điện tử là điều khá mới ở Việt Nam, ngay cả ở những thành phố lớn như: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh cũng còn tâm lý “lưỡng lự”, chưa sẵn sàng chấp nhận và sử dụng,

đặc biệt là ở những công chứng viên đã quá tuổi nghỉ hưu, trong khi Luật Công chứng năm 2014 chưa giới hạn độ tuổi hành nghề công chứng. Đây là trở ngại trong quá trình triển khai công chứng điện tử.

### **5. Đề xuất hoàn thiện quy định về công chứng điện tử**

**Thứ nhất**, xây dựng khung pháp lý cho công chứng điện tử.

Luật Công chứng năm 2014 cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng công nhận giá trị của văn bản công chứng điện tử. Chẳng hạn như, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Luật Công chứng năm 2014 thành: “Công chứng là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản, thông điệp dữ liệu (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch), tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản, thông điệp dữ liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi là bản dịch) mà

theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng”. Hoặc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 Luật Công chứng năm 2014 thành: “Văn bản công chứng có hiệu lực kể từ ngày được công chứng viên ký và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng. Đối với thông điệp dữ liệu được công chứng có hiệu lực kể từ ngày công chứng viên ký điện tử”.

Ngoài ra, Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) cũng cần bổ sung quy định liên quan đến văn bản công chứng điện tử có hiệu lực, tài liệu điện tử, xác thực tài liệu điện tử, chữ ký kỹ thuật số của công chứng viên, chứng thực các tài liệu số hóa,... Quá trình sửa đổi cần bảo đảm sự tương thích với các quy định pháp luật về giao dịch điện tử, đất đai, dân sự, nhà ở, thương mại, doanh nghiệp,...

**Thứ hai,** tạo lập cơ sở dữ liệu công chứng quốc gia đồng bộ, thống nhất, có kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Để tạo sự đồng bộ, thống nhất, tạo thành mạng lưới liên kết và

chia sẻ thông tin, nên chuyển đổi theo hướng xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng quốc gia thay cho cơ sở dữ liệu công chứng tại từng đơn vị hành chính cấp tỉnh. Do đó, nhóm tác giả đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 62 Luật Công chứng năm 2014 như sau:

“Điều 62. Cơ sở dữ liệu công chứng quốc gia

1. Cơ sở dữ liệu công chứng quốc gia bao gồm các thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản, dữ liệu công chứng điện tử, hồ sơ công chứng điện tử và các thông tin về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng.

2. Bộ Tư pháp có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng quốc gia và ban hành quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng.

3. Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng và các bộ, ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng và quản lý, khai thác cơ

sở dữ liệu công chứng quốc gia.

4. Cơ sở dữ liệu công chứng quốc gia được kết nối dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác”.

Đồng thời, cần quyết liệt trong việc đồng bộ hóa, chia sẻ dữ liệu liên ngành như: Chia sẻ dữ liệu công chứng, chia sẻ dữ liệu đất đai, động sản có đăng ký, dữ liệu đăng ký giao dịch bảo đảm, dữ liệu dân cư, dữ liệu chữ ký điện tử, để khi công chứng điện tử, công chứng viên có thể xác thực được danh tính của người yêu cầu công chứng; xác thực được tài sản tham gia giao dịch có đúng đã cấp cho chủ thể đó hay không; xác thực được tài sản có bị hạn chế bởi giao dịch gì hay không; xác thực được chữ ký của người yêu cầu công chứng có đúng với chữ ký đã đăng ký hay không... Từ đó, mới bảo đảm được nguyên lý “phòng ngừa rủi ro” cho các bên trong hoạt động công chứng. Tất nhiên, những trường thông tin đó chỉ được chia sẻ cho những chủ thể được cấp quyền truy cập, trong đó có công chứng viên và những chủ

thể này phải bảo mật về thông tin, tài liệu, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc này.

**Thứ ba**, cần có quy định và hướng dẫn cụ thể về chữ ký điện tử. Đây là vấn đề đang bị “bỏ ngỏ” và cần có khung pháp lý rõ ràng, nhằm tạo cơ sở để áp dụng chữ ký điện tử trong thực tiễn, đặc biệt là hoạt động công chứng điện tử, góp phần tạo ra hệ thống pháp lý toàn diện hơn đối với giao dịch điện tử trong thời kỳ công nghệ.

Đề xuất bổ sung quy định công nhận giá trị chứng cứ của văn bản công chứng do công chứng viên chứng nhận, ký bằng chữ ký số và được lưu giữ tại cơ sở dữ liệu công chứng tập trung.

**Thứ tư**, nâng mức độ phủ sóng và sử dụng internet trong phạm vi cả nước, nâng cao ý thức của các chủ thể hoạt động công chứng điện tử. Hoạt động công chứng không chỉ diễn ra ở các đô thị lớn mà có ở tất cả các địa phương, do đó, tầm nhìn xây dựng công chứng điện tử cần có lộ trình triển khai đến tất cả vùng, miền

## ***Hoàn thiện pháp luật về công chứng***

---

của Tổ quốc. Để thực hiện được như khả năng truy cập internet, điều đó, cần nâng cao chất lượng để tất cả người dân ở mọi khu vực của hạ tầng mạng lưới internet, khi có nhu cầu đều có thể sử dụng mức độ sử dụng internet, cũng công chứng điện tử □

---

1. Báo cáo “Xây dựng thông tin của công nghệ công chứng Trung Quốc” của Hiệp hội Công chứng Trung Quốc tại Hội nghị toàn thể lần thứ 8, Ủy ban Các vấn đề châu Á của Liên minh Công chứng Quốc tế tổ chức tại Tây An, Thiểm Tây, Trung Quốc, tháng 9 năm 2018, tr. 19.

2. Báo cáo “Xây dựng thông tin của công nghệ công chứng Trung Quốc”, t.lđd.

3. Báo cáo “Xây dựng thông tin cho hoạt động công chứng” của Hiệp hội Công chứng quốc gia Nhật Bản tại Hội nghị toàn thể lần thứ 8, Ủy ban Các vấn đề châu Á của Liên minh Công chứng Quốc tế tổ chức tại Tây An, Thiểm Tây, Trung Quốc, tháng 9 năm 2018, tr. 30 - 34.

4. Báo cáo “Giới thiệu về sự phát triển hoạt động công chứng” của Hiệp hội Công chứng viên Hàn Quốc tại Hội nghị toàn thể lần thứ 8, Ủy ban Các vấn đề châu Á của Liên minh Công chứng Quốc tế tổ chức tại Tây An, Thiểm Tây, Trung Quốc, tháng 9 năm 2018.

5. Xem Điều 60 Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi).

6. Phát biểu của ông Richard Bock, Công chứng viên đặc trách đối ngoại thuộc Phòng Công chứng liên bang Đức (BNotK) tại Hội thảo “Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về công chứng” tổ chức ngày 31/5/2023, tại Hà Nội, trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường năng lực xây dựng pháp luật của Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ Tư pháp, Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức GIZ tổ chức.

7. Phát biểu của ông Jean Deleage, Công chứng viên đặc trách khu vực Đông Nam Á thuộc Hội đồng Công chứng tối cao Cộng hòa Pháp tại Hội thảo “Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về công chứng của Việt Nam và Cộng hòa Pháp” do Hiệp hội Công chứng viên Việt Nam, Hội đồng Công chứng tối cao Cộng hòa Pháp và Trường Đại học Luật Hà Nội phối hợp tổ chức tại Trường Đại học Luật Hà Nội ngày 10/9/2023.

8. Chia sẻ của ông Dilshod Ashurov, Chủ tịch Phòng Công chứng Cộng hòa Uzbekistan tại Hội thảo trực tuyến “Chia sẻ kinh nghiệm về xây dựng và vận hành hệ thống công chứng điện tử” do Hiệp hội Công chứng viên Việt Nam và Phòng Công chứng Cộng hòa Uzbekistan tổ chức ngày 25/9/2023.